

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày: 26-3-2025
“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Dũng;
- Bà Lương Thị Kim Ngân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2024/TLST-DS ngày 14/5/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 18/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-DS ngày 07/3/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1965, địa chỉ cư trú: Số A đường H, khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Số B đường T, tổ B, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (hợp đồng ủy quyền ngày 19/4/2024); có mặt;

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957, cùng địa chỉ cư trú: tổ C, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Ngọc S do ông Nguyễn Văn M làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 12/7/2017, bà S có cho vợ chồng ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L vay số tiền 400.000.000) đồng, không thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời hạn trả, có làm biên nhận nợ, mục đích vay của ông N, bà L để mua ghe chở hàng, không thế chấp tài sản bảo đảm. Sau khi vay đến nay ông N, bà L không trả nợ

vốn như đã thỏa thuận, bà S cũng không lấy tiền lãi. Bà S có liên lạc cho ông N, bà L yêu cầu trả nợ vốn nhưng ông N, bà L hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả.

Nay, bà S yêu cầu ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị L nhưng ông N, bà L vắng mặt ở địa phương và không cung cấp ý kiến phản hồi cho Tòa án.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ngày 17 tháng 10 năm 2024, ông Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký tên của bà Nguyễn Thị L thể hiện trên biên nhận nợ ngày 12/7/2017.

Biên bản xác minh ngày 18/3/2025 Công an phường L1 cung cấp: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1950, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ C, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L vẫn còn thường trú tại địa trên.

Kết quả giám định số: 85/KL-KHHS, ngày 07/02/2025 của phòng K Công an tỉnh A tại mục V đã kết luận:

Chữ ký mang tên Nguyễn Thị L dưới mục “ký nhận” trên biên nhận mượn tiền ngày 12/7/2017 (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1, M2) do cùng một người ký ra.

Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn M (đại diện cho bà S) đã chi tạm ứng tiền bồi dưỡng giám định, phiếu thanh toán số 85/KL-KTHS, ngày 07/02/2025 số tiền 3.000.000 đồng.

Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, bà Đỗ Thị H là con ruột ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị L khai: Bà H khai bà là con ruột ông N và bà L, hiện ông N và bà L thường đi ghe chở gạo nên không có mặt tại địa phương, bà H không biết khi nào thì ông N, bà L về, bà H có nhận thay các văn bản tố tụng trên cho cha, mẹ bà và bà H có chụp gửi qua ứng dụng Zalo cho cha, mẹ bà biết, đồng thời cha, mẹ bà có biết việc bà Nguyễn Thị Ngọc S khởi kiện nợ vay 400.000.000 đồng.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành và do ông N, bà L vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông M giữ nguyên yêu cầu và quan điểm, ông N, bà L vắng mặt.

Ông Nguyễn Minh xác Đ đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác, ông N, bà L không cung cấp chứng cứ.

- Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ: Các biên bản ghi nhận sự vắng mặt của ông N, bà L, ngày 28/6/2024, Biên bản xác minh ngày 18/3/2025 Công an phường L1, Thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ số: 10/TB-TA ngày 18/02/2025, đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị L, ngày 17/10/2024 của ông Nguyễn Văn M, Quyết định trưng cầu giám định số 13/QĐ-TCGD, ngày 11/12/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu; Kết luận giám định số 85/KL - GDKTHS, ngày 07/02/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A, Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2024 của bà Đỗ Thị H;

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về tố tụng: Đề nghị thay đổi quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản sang quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Ý kiến về giải quyết vụ án; trên cơ sở Kết luận giám định số: 85/KL-KHHS, ngày 07/02/2025 của Phòng K - Công an tỉnh A tại mục V) V đã kết luận:

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc S do ông M đại diện 400.000.0000 đồng, lãi suất không đề cập giải quyết. Ông N, bà L hoàn trả cho bà S chi phí giám định và phải chịu tiền án phí dân sự theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957, cùng địa chỉ: tổ C, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 18/3/2025 Công an phương L1 cung cấp: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1950, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ C, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L vẫn còn thường trú tại địa trên.

Sự vắng mặt của đương sự: Ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Ngọc S với ông bà Nguyễn Thị L, ông N, bà L vắng mặt, ông M cung cấp được kết quả giám định, được pháp luật xem xét và bảo vệ.

Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”. Trong quá trình tố tụng Tòa án ra thông báo số: 46/TB-TA, ngày 04/9/2024 xác định quan hệ tranh chấp là “đòi lại tài sản” là không đúng

theo quy định pháp luật, do trong biên nhận ngày 12/7/2017 các đương sự không ấn định thời gian, bên cạnh đó không có đương sự yêu cầu về tính thời hiệu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại cho đúng theo quy định là quan hệ “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn M trình bày: Vào ngày 12/7/2017, bà S có cho vợ chồng ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L vay một lần số tiền 400.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay, có làm biên nhận nợ, mục đích vay của ông N, bà L là để mua ghe chở hàng, không thế chấp tài sản bảo đảm. Sau khi vay, đến nay ông N, bà L không trả nợ vốn như đã thỏa thuận, bà S cũng không lấy tiền lãi. Bà S liên lạc cho ông N, bà L yêu cầu trả nợ vốn nhưng ông N, bà L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả.

Ông M yêu cầu ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Kết luận giám định số: 85/KL-KHHS, ngày 07/02/2025 của Phòng K - Công an tỉnh A tại mục V) V đã kết luận:

Chữ ký mang tên Nguyễn Thị L dưới mục “ký nhận” trên biên nhận mượn tiền ngày 12/7/2017 (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1, M2) do cùng một người ký ra.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn M yêu cầu ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị L trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc S 400.000.000 đồng.

Trên cơ sở Kết quả giám định Kết luận giám định số: 85/KL-KHHS, ngày 07/02/2025 của Phòng K - Công an tỉnh A tại mục V) V đã kết luận:

Chữ ký mang tên Nguyễn Thị L dưới mục “ký nhận” trên biên nhận mượn tiền ngày 12/7/2017 (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1, M2) do cùng một người ký ra.

Như vậy có căn cứ khẳng định bà Nguyễn Thị L vay của bà S theo biên nhận ngày 12/7/2017, đến nay bà L chưa trả cho bà S. Bà L hoàn toàn có lỗi, đã làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà S.

Do đó; ông M yêu cầu ông N, bà L trả số tiền vay 400.000.000 đồng cho bà S là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lãi suất, trước phiên tòa ông M không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, bà Đỗ Thị H là con ruột ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị L khai: Bà H khai bà là con ruột ông N và bà L, hiện ông N và bà L thường đi ghe chở gạo nên không có mặt tại địa phương và bà H không biết khi nào thì ông N, bà L về, bà H có nhận thay các văn bản tố tụng trên cho cha, mẹ bà và bà H có chụp gửi qua ứng dụng Zalo cho cha, mẹ bà biết, đồng thời cha, mẹ bà có biết việc bà Nguyễn Thị Ngọc S khởi kiện nợ vay 400.000.000 đồng.

Theo trình bày trên của bà H thì giữa ông Đỗ Văn N với bà Nguyễn Thị L là vợ chồng, có con chung, hai người hiện đang đi ghe chở lúa và có biết bà S đang

khởi kiện tại Tòa án, do ông N với bà L là vợ chồng nên phải liên đới chịu trách nhiệm về khoản vay trên. Do đó; bà S yêu cầu ông N với bà L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà S 400.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông N và bà L có trách nhiệm liên đới trả cho bà S tiền vay trên là hợp lý.

Việc thanh toán nợ cụ thể thế nào Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong bản án này mà khi án có hiệu lực pháp luật sẽ do cơ quan Thi hành án xét giải quyết.

- Về chi phí tố tụng ông Nguyễn Văn M (đại diện bà S) đã chi tạm ứng tiền lệ phí giám định 3.000.000 đồng do ông N, bà L có lỗi nên ông N, bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà S số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L có lỗi với bà Nguyễn Thị Ngọc S, nên ông N, bà L phải chịu 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc S 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008006 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 91, Điều 161 Điều 162, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc S do ông Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền.

- Buộc ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị L phải liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc S do ông Nguyễn Văn M làm đại diện theo ủy quyền số tiền vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

- Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị L liên đới có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc S do ông Nguyễn Văn M làm đại diện theo ủy quyền tiền lệ phí giám định 3.000.000 (ba triệu) đồng

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L liên đới phải chịu 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

H1 cho bà Nguyễn Thị Ngọc S 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008006 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị L là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Minh